



50th ANNIVERSARY
AUSTRALIA VIETNAM

THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI AUSTRALIA

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG THÁNG 02/2023
CHÀO MỪNG KỶ NIỆM 50 NĂM THIẾT LẬP QUAN HỆ
NGOẠI GIAO AUSTRALIA – VIỆT NAM
(26/2/1973 – 26/2/2023)

MỤC LỤC

I – Điểm tin

1. Ngân hàng Dự trữ Liên Bang Úc nâng lãi suất lên 3,35%.
2. Tỷ lệ thất nghiệp của Úc tăng lên 3,7%
3. Bộ trưởng Đầu tư và Thương mại Úc họp trực tuyến với Bộ trưởng Thương mại Trung Quốc

II – Tin phân tích

Quan hệ Việt Nam – Australia: 5 thập kỷ đã qua và tương lai rộng mở phía trước

III – Tin thị trường

1. Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Úc năm 2022
2. Tình hình xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Úc Tháng 1/2023
3. Cập nhật điều kiện nhập khẩu vào Úc đối với thực phẩm chế biến
4. Cán cân thanh toán và vị trí đầu tư quốc tế của Úc
5. Thương mại bán lẻ của Úc

IV. Diễn biến tỷ giá

V. Kết nối giao thương

I – ĐIỂM TIN

1. Ngân hàng Dự trữ Liên Bang Úc nâng lãi suất lên 3,35%.

Ngày 07/2/2023, Ngân hàng Dự trữ của Úc đã nâng lãi suất ngân hàng thêm 0,25%, đưa lãi suất lên 3,35% sau 9 lần liên tiếp. Dự báo lãi suất ngân hàng tiếp tục tăng trong thời gian tới.

2. Tỷ lệ thất nghiệp của Úc tăng lên 3,7%

Theo công bố của Cơ quan thống kê Úc, tỷ lệ thất nghiệp của Úc đã tăng lên 3,7% vào Tháng 1 năm 2023.

Theo ông Bjorn Jarvis, người đứng đầu về số liệu lao động của Cơ quan thống kê Úc cho biết: Tháng 1 là thời điểm có nhiều biến động về thị trường lao động Úc; số lượng người nghỉ việc và bắt đầu một công việc mới hoặc trở lại công việc sau thời gian nghỉ phép nhiều hơn. Tháng 01/2023, theo số liệu cho thấy nhiều người sẽ bắt đầu hoặc trở lại công việc vào cuối tháng.

Trước đó, tỷ lệ thất nghiệp đã duy trì ở mức 3,5% trong 6 tháng liên tiếp.



Source: Labour Force, Australia Tables 1 and 19

Source: Australian Bureau of Statistics, Unemployment rate rises to 3.7% in January 16/02/2023

Nguồn tin: <https://www.abs.gov.au>

3. Bộ trưởng Bộ Thương mại và Đầu tư Úc họp trực tuyến với Bộ trưởng Bộ Thương mại Trung Quốc

Ngày 06/2/2023, Bộ Thương mại và Đầu tư Úc có buổi họp trực tuyến với Bộ trưởng Bộ Thương mại Trung Quốc. Hai bên đã thể hiện những thiện chí hợp tác trong tương lai.

Nguồn tin: <https://www.trademinister.gov.au>

II – TIN PHÂN TÍCH

Quan hệ Việt Nam – Australia: 5 thập kỷ đã qua và tương lai rộng mở phía trước

Việt Nam và Australia là Đối tác chiến lược toàn diện được 5 năm và đang ở trước ngưỡng cửa một giai đoạn phát triển mới với nhiều cơ hội để hai nước gắn bó chặt chẽ và gần gũi với nhau hơn.

Ngày 26/2, đánh dấu tròn 50 năm Việt Nam và Australia thiết lập quan hệ ngoại giao. Trong năm thập kỷ qua, quan hệ giữa hai nước đã bước qua nhiều giai đoạn phát triển và được định hình bởi nhu cầu của mỗi nước cũng như bối cảnh của khu vực và thế giới.

Việt Nam và Australia đã là Đối tác chiến lược toàn diện được 5 năm và đang ở trước ngưỡng cửa một giai đoạn phát triển mới mà ở đó có nhiều cơ hội để hai nước gắn bó chặt chẽ và gần gũi với nhau hơn.

Australia là quốc gia phương Tây đầu tiên thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào năm 1973, chỉ ít ngày sau khi Hiệp định Paris về kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Kể từ đó đến nay, quan hệ giữa hai nước đã phát triển qua nhiều giai đoạn và giờ đã trở thành “Đối tác chiến lược” từ năm 2018.

Thành tựu sau 5 thập kỷ gắn bó

Việc Australia sớm thiết lập quan hệ ngoại giao được Việt Nam đánh giá cao khi giúp chúng ta phá thế bao vây, cấm vận và đặt nền móng cho việc đa dạng hóa quan hệ đối ngoại của Việt Nam.



Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước CHXHCN Việt Nam tại Australia Nguyễn Tất Thành. (Nguồn: Đại sứ quán Việt Nam tại Australia)

Trả lời phóng viên VOV thường trú tại Australia, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Australia Nguyễn Tất Thành cho biết: “Điều đáng trân trọng là suốt thời gian Mỹ bao vây, cấm vận Việt Nam thập niên 1980, Australia chủ động phát triển quan hệ nhiều mặt với chúng ta. Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Australia được triển khai từ năm 1973 trong các lĩnh vực như cơ sở hạ tầng, viễn thông, ngân hàng.... Sau khi đóng góp tích cực giải quyết vấn đề Campuchia, Australia tiếp tục trở thành quốc gia phương Tây đầu tiên nối lại ODA cho Việt Nam. Những năm gần đây, không ít nước phương Tây cắt giảm ODA, song Australia vẫn giữ mức bình quân khoảng 80 triệu AUD/năm và tài khóa 2022-2023 còn tăng ODA cho Việt Nam thêm 18%.

Các khoản hỗ trợ phát triển chính thức ODA của Australia không chỉ giúp Việt Nam cải thiện điều kiện cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo, phát triển nông thôn, hỗ trợ bình đẳng giới mà một phần quan trọng trong đó đã giúp Việt Nam nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Kể từ khi Australia bắt đầu cấp học bổng cho Việt Nam, hơn 6000 sinh viên đã được tham gia các khóa đào tạo từ ngắn hạn đến dài hạn tại Australia và cả Việt Nam. Các khóa học này không chỉ giúp nâng cao năng lực cho các thành viên tham gia mà còn góp phần xây dựng đội ngũ lao động có tri thức để đóng góp vào quá trình xây dựng, phát triển của Việt Nam.

Trả lời phóng viên VOV Đài TNVN thường trú tại Australia, Giáo sư Suiwah Leung, chuyên gia nghiên cứu Việt Nam thuộc Đại học Quốc gia Australia, người từng được nhận Huân chương danh dự do Chủ tịch nước trao tặng do những đóng góp vào mối quan hệ giữa hai nước và phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo ở Việt Nam cho biết, nhiều người Việt Nam sau khi nhận học bổng và sang Australia học đã trở về nước và quay trở lại các vị trí công việc trong cơ quan nhà nước hay các trường đại học, đóng góp vào quá trình cải cách kinh tế ở Việt Nam cũng như việc Việt Nam hội nhập khu vực và quốc tế, trong đó tiêu biểu là việc tham gia ASEAN và WTO.

Đại sứ Nguyễn Tất Thành chia sẻ, trong 2 năm qua, khi cả thế giới phải đối mặt với đại dịch Covid-19, Australia đã hỗ trợ Việt Nam 26,4 triệu liều vaccine phòng chống Covid-19 trong lúc nguồn vaccine khó tiếp cận và đắt đỏ. Đồng thời, Australia cũng cung cấp một số trợ giúp kỹ thuật khác giúp Việt Nam triển khai tiêm vaccine ở cả vùng sâu, vùng xa.

Về kinh tế, thương mại, từ năm 1974, hai nước đã trao cho nhau quy chế tối huệ quốc, hai bên cũng đã xây dựng nhiều văn kiện để tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp. Hiện nay, kinh tế – thương mại là một trong 3 trụ cột của mối quan hệ Đối tác chiến lược giữa hai nước. Kể từ khi quan hệ được nâng lên Đối tác chiến lược, quan hệ thương mại giữa hai nước phát triển nhanh chóng. Hiện Australia đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ 7 của Việt Nam và Việt Nam là đối tác thương mại thứ 10 của Australia.



Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ tới thăm Australia năm 2022 và gặp Chủ tịch Hạ viện Australia Milton Dick và Chủ tịch Thượng viện Australia Sue Lines.

Ông Nguyễn Phú Hòa, Trưởng Cơ quan Thương vụ Việt Nam tại Australia cho biết: “So với thời điểm trước Covid-19 (2019), mặc dù một giai đoạn đầy thách thức, kim ngạch song phương đã tăng lên 96%. Nhìn tổng thể 50 năm, chúng ta đã làm được hai việc là đưa kim ngạch song phương lên gấp đôi và hoàn thành sớm, vượt mục tiêu Chính phủ đề ra là nâng kim ngạch song phương lên 15 tỷ USD (năm 2022 đã nhanh chóng đạt được 15,7 tỷ USD)”.

Ông Nguyễn Phú Hòa cho hay, nhìn lại 50 qua, quan hệ thương mại giữa hai nước đã dần đi vào chiều sâu, theo đó hình thành các chuỗi cung ứng bền vững. Hai nền kinh tế bổ sung cho nhau. Việt Nam nhập nhiều nguyên phụ liệu và xuất khẩu các sản phẩm phục vụ nhu cầu của thị trường Australia.

Ngoài những thành tựu có thể đong đếm bằng những con số, quan hệ giữa Việt Nam và Australia còn phát triển vượt bậc trên cả khía cạnh chính trị, ngoại giao. Lãnh đạo cấp cao hai nước và các bộ, ban, ngành, địa phương hai bên cũng thường xuyên có

các chuyến thăm viếng lẫn nhau vì thế việc trao đổi thông tin diễn ra liên tục, tạo cơ sở để hai bên thêm hiểu về nhau, tôn trọng nhau và gia tăng sự tin cậy chính trị. Quan hệ ngoại giao – chính trị chặt chẽ đã tạo nền tảng để các lĩnh vực hợp tác giữa hai nước ngày càng rộng mở và sâu sắc hơn, bao gồm cả lĩnh vực an ninh-quốc phòng.

Quan hệ song phương mang đến lợi ích cho cả Việt Nam và Australia

Không khó để thấy rằng, quan hệ tốt đẹp với Australia đang mang về những lợi ích thiết thực và có thể nhìn thấy rõ đối với Việt Nam. Trên khía cạnh chính trị – ngoại giao, việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Australia đã giúp Việt Nam phá thế cô lập, mở rộng quan hệ bạn bè. Duy trì quan hệ với Australia cũng giúp Việt Nam thuận lợi hơn trong quá trình mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập với thế giới. Việc có quan hệ hợp tác lâu dài với Australia cũng giúp Việt Nam tăng cường sự kết nối và gia tăng lòng tin với các nước phương Tây trong giai đoạn đầu mở cửa, hội nhập quốc tế.

Các chương trình hợp tác trong khuôn khổ ODA có vai trò quan trọng, hỗ trợ Việt Nam trong quá trình phát triển đất nước. Trong đó không thể không kể đến dự án tiêu biểu như đường dây 500kV Bắc-Nam, hai cây cầu Mỹ Thuận và Cao Lãnh, hay chương trình học bổng đào tạo hàng nghìn người dân Việt Nam.



Trưởng Ban Nội chính Trung ương Phan Đình Trạc dẫn đầu đoàn đại biểu của Đảng ta gặp Tổng chủ quản lý Australia Marks Dreyfus trong chuyến thăm và làm việc tại Australia năm 2022.

Ngoài những chương trình, dự án hợp tác cụ thể giữa hai nước trong khuôn khổ ODA, nhiều chương trình hợp tác kinh tế – thương mại – đầu tư, khoa học-công nghệ giữa hai nước đều để lại những ảnh hưởng tích cực đối với kinh tế xã hội Việt Nam.

Trên diễn đàn quốc tế, Australia cũng luôn hỗ trợ Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia APEC, gia nhập WTO. Việt Nam cũng nhận được sự ủng hộ của Australia trong nhiều lần ứng cử làm thành viên của các cơ quan thuộc LHQ như gần đây nhất là lần Việt Nam ứng cử và trở thành thành viên của Hội đồng nhân quyền LHQ nhiệm kỳ 2023-2025.

Về phía Australia, quan hệ với Việt Nam giúp nước này duy trì bạn bè ở khu vực Đông Nam Á, nơi có vị trí chiến lược trong khu vực, nằm bên bờ Biển Đông nơi hàng hóa Australia qua lại thường xuyên. Duy trì quan hệ tốt với Việt Nam trong

những năm qua cũng tạo cơ sở để nước này xây dựng lòng tin, củng cố quan hệ với các quốc gia khác ở Đông Nam Á cũng như với khu vực, trong đó có ASEAN. Trên thực tế, Việt Nam hỗ trợ Australia tham gia ASEM và nâng quan hệ với ASEAN lên Đối tác chiến lược toàn diện.

Trên khía cạnh song phương, Việt Nam là một thị trường nhiều tiềm năng nên việc sớm thiết lập quan hệ với Việt Nam sẽ giúp các doanh nghiệp Australia đi trước trong việc tiếp cận và xây dựng thị trường tại Việt Nam và rộng hơn là khu vực Đông Nam Á.

Giáo sư Suiwah Leung cho biết, quan hệ thương mại giữa Australia và Việt Nam tăng trung bình 12%/năm kể từ năm 2013 cho đến nay. Hàng hóa Australia xuất khẩu sang Việt Nam chủ yếu là các sản phẩm khai thác mỏ và các sản phẩm nông nghiệp và hiện tại chiếm 1.5% kim ngạch xuất khẩu của Australia.

Giáo sư Suiwah Leung cũng cho hay, chương trình học bổng New Colombo Plan cũng đã đưa hơn 4.500 sinh viên đại học của Australia sang Việt Nam trong suốt những năm qua cũng đã giúp Australia hiểu hơn về đất nước, con người, văn hóa, ngôn ngữ và cách thức làm việc tại Việt Nam, qua đó giúp cải thiện sự hiểu biết giữa hai nước, tạo điều kiện để gia tăng kết nối và đầu tư giữa hai bên.

Đại sứ Nguyễn Tất Thành nhận định, trong suốt 5 thập kỷ hợp tác, Australia luôn chủ động phát triển quan hệ nhiều mặt với Việt Nam. Giờ đây, mối quan hệ này được xây dựng dựa trên sự hiểu biết ngày càng sâu sắc giữa nhân dân hai nước. Australia từ chỗ liên kết toàn diện với Anh, Mỹ trong nhiều thập kỷ nay chuyển chính sách hướng sang châu Á và khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương.

Australia gần bó ngày càng chặt chẽ với các nước Nam Thái Bình Dương và Đông Nam Á mà bạn đều coi là láng giềng. Trong khi đó, từ chỗ “muốn là bạn”, rồi “sẵn sàng” kết bạn, nay Việt Nam đã “là bạn, là đối tác tin cậy” của Australia.

Cựu Toàn quyền Peter Cosgrove từng nhận định: “Australia tự hào có một người bạn là Việt Nam”. Còn Ngoại trưởng Penny Wong cho biết: “Australia mong là một đối tác tốt hơn của Việt Nam”.

Tương lai rộng mở với nhiều tiềm năng hợp tác

Năm thập kỷ hợp tác vừa qua cho thấy, mối quan hệ tốt đẹp giữa Việt Nam và Australia mang về lợi ích rất rõ ràng, cụ thể và thiết thực cho cả hai nước. Thời điểm hiện tại đang tạo ra những cơ hội mà hai nước cần nắm bắt để đưa quan hệ nhiều mặt phát triển lên một giai đoạn mới.

Đại sứ Nguyễn Tất Thành nhận định, Việt Nam và Australia là hai nước láng giềng tại Tây Thái Bình Dương, chia sẻ lợi ích chiến lược về hòa bình, hợp tác và phát triển tại khu vực. Nền kinh tế hai nước có tính bổ sung cao, nhất là về tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực, khả năng công nghệ và tài chính.

Australia có kinh tế tri thức phát triển và nền giáo dục hàng đầu thế giới. Thu nhập bình quân đầu người của Australia đứng thứ hai trong các nước G20. Đặc biệt, người dân Australia không chỉ coi trọng, lắng nghe mà còn rất thiện cảm với người dân Việt Nam.

Với Việt Nam, Australia cũng đồng hành trong các cơ chế hợp tác đa phương khu vực và toàn cầu như APEC, CPTPP và Liên Hợp Quốc. Đây chính là những thuận lợi mà hai nước cần tranh thủ và phát huy trong những năm tới.

Trên khía cạnh ngoại giao, Đại sứ Nguyễn Tất Thành cho rằng, hai nước có thể gia tăng đối thoại chiến lược, lập thêm một số cơ chế mới trong lúc đầy mạnh và khai thác tốt hơn các cơ chế sẵn có.

Ngoài 3 trụ cột trong quan hệ Đối tác chiến lược hiện có, Đại sứ Nguyễn Tất Thành cho rằng, hai nước đang cân nhắc một số trụ cột mới nhằm gắn kết chặt chẽ hơn nữa. Các lĩnh vực đang nổi lên như biến đổi khí hậu, kinh tế xanh, năng lượng sạch, kinh tế tri thức, chuyển đổi số... được kỳ vọng sẽ là những lĩnh vực hợp tác mới giữa hai nước trong thời gian tới.

Về thương mại, Đại sứ Nguyễn Tất Thành đánh giá có 5 ngành hàng có nhiều khả năng tăng xuất khẩu mạnh nhất sang Australia thời gian tới gồm các sản phẩm thân thiện với môi trường, sản phẩm số, vật liệu xây dựng, hải sản, nội thất. Đồng thời, logistics, du lịch, tin học cũng sẽ là những lĩnh vực mà Việt Nam có thể cung cấp dịch vụ chất lượng cao và mang lại nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp Australia.

Với giáo sư Suiwah Leung, giáo dục công nghệ, chuyển đổi số và du lịch là những lĩnh vực có nhiều tiềm năng mà Australia và Việt Nam có thể đẩy mạnh trong thời gian tới.

Việt Nam và Australia đang đứng trước ngưỡng cửa hợp tác mới mà những thành tựu hợp tác trong 5 thập qua đã cho thấy giữa hai nước không chỉ gần gũi mà còn có những lợi ích song trùng. Niềm tin được củng cố và sự nỗ lực trong tất cả các cấp của cả hai nước trong thời gian tới chắc chắn sẽ mang về những lợi ích to lớn cho người dân hai bên, góp phần vào sự ổn định, hòa bình và thịnh vượng của khu vực và thế giới./.

Nguồn tin: VOV-Australia

III – TIN THỊ TRƯỜNG

1. Hoạt động xuất nhập khẩu của Úc năm 2022

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Thống kê Úc (ABS), tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa điều chỉnh theo mùa năm 2022 của Úc đạt hơn 1,03 nghìn tỷ AUD (tương đương 618 tỷ USD), tăng gần 23,00 tỷ AUD (tương đương tăng 28,62%) so với năm 2021, cụ thể:

Xuất khẩu: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa điều chỉnh theo mùa năm 2022 đạt gần 597,38 tỷ AUD, tăng hơn 138,76 tỷ AUD (tương đương 30,26%) so với năm 2021, trong đó:

- Hàng hóa phi nông nghiệp đạt hơn 496,30 tỷ AUD, tăng 31,75% so với năm 2021: than các loại tăng 125,31%; nhiên liệu khoáng khác tăng 75,04; hàng phi nông nghiệp khác bao gồm đường, đồ uống tăng 17,31%; thiết bị vận tải tăng 17,16%; kim loại khác tăng 16,02%; máy móc thiết bị tăng 12,50%... Riêng quặng và khoáng chất khác giảm 9,31%;...
- Hàng nông nghiệp đạt gần 70,09 tỷ AUD, tăng 33,08% so với cùng kỳ 2021: Ngũ cốc và các sản phẩm từ ngũ cốc tăng 49,19%; Thịt và các sản phẩm từ thịt tăng 12,82%; len lông, da cừu tăng 5,62%; các sản phẩm nông nghiệp khác tăng 40,07%.
- Vàng phi tiền tệ tăng 2,72%.

Các thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn nhất của Úc năm 2022 bao gồm: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Singapore, Việt Nam, Malaysia và New Zealand.

Nhập khẩu: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa điều chỉnh theo mùa năm 2022 đạt 435,48 tỷ AUD, tăng gần 91,09 tỷ AUD (tương đương tăng 26,45%) so với năm 2021, cụ thể:

- Hàng hóa tiêu dùng đạt 133,13 tỷ AUD, tăng 16,98% so với năm trước: thiết bị vận tải phi công nghiệp tăng 19,73%; thực phẩm, đồ uống tăng 16,09%; giày dép, quần áo tăng 14,61%; đồ điện gia dụng tăng 14,19%; đồ chơi, sách và đồ dùng giải trí tăng 8,56%...
- Hàng hóa sản xuất đạt 98,96 tỷ AUD, tăng 16,93% so với năm trước: Máy móc và thiết bị công nghiệp tăng 18,69%; thiết bị viễn thông tăng 17,78%; thiết bị ADP tăng 14,23%; Thiết bị vận tải công nghiệp khác tăng 9%...
- Hàng hóa trung gian và hàng hóa nguyên liệu khác đạt 196,43 tỷ AUD, tăng gần 41,04% so với năm trước: Nhiên liệu tăng 86,45%; sắt thép tăng 29,81%; nhựa

nguyên liệu tăng 17,37%; thực phẩm đồ uống cho sản xuất công nghiệp tăng 31,33%; giấy và bì cứng tăng 15,32%; xơ sợi, vải dệt may tăng 10,43%; linh kiện thiết bị vận tải tăng 14,14%; Hàng hóa khác tăng 22,09%...

- Vàng phi tiền tệ tăng 4,08%.

Các đối tác Úc nhập khẩu hàng hóa chính trong năm 2022 lần lượt: Trung Quốc, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Malaysia, Đức, Đài Loan, Ấn Độ, Việt Nam.

2. Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam – Australia Tháng 1/2023

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, Tháng 1 năm 2023, kim ngạch hai chiều giữa Việt Nam và Úc đạt hơn 909,16 triệu USD, giảm 19,65% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó: xuất khẩu của Việt Nam sang Úc đạt hơn 410,62 triệu USD, giảm hơn 1,33%, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Úc đạt gần 489,54 triệu USD, giảm 30,31% so với năm trước. Do Tháng 1 là thời điểm nghỉ Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán với số ngày nghỉ lễ dài nên hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước cũng như xuất nhập khẩu hàng hóa ít nhiều bị ảnh hưởng.

Xuất khẩu của Việt Nam sang Úc

Đơn vị tính: USD

Mặt hàng	T1/ 2022	T1/ 2023	Tăng/giảm (%)
<i>Kim ngạch XK</i>	<i>416.164.977</i>	<i>410.617.147</i>	<i>-1,33</i>
Dầu thô		101.348.830	#DIV/0!
Điện thoại các loại và linh kiện	31.698.437	88.643.941	179,65
Hàng dệt, may	37.954.028	34.122.517	-10,10
Giày dép các loại	35.174.906	32.302.147	-8,17
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	32.877.302	28.707.881	-12,68
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	46.243.049	27.184.328	-41,21
Hàng thủy sản	32.527.169	14.057.605	-56,78
Gỗ và sản phẩm gỗ	20.526.195	8.205.459	-60,02
Sản phẩm từ sắt thép	16.397.561	7.361.740	-55,10
Hàng rau quả	9.124.365	5.162.503	-43,42

Hạt điều	9.872.330	4.988.794	-49,47
Sản phẩm từ chất dẻo	8.374.639	4.960.354	-40,77
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	7.824.566	3.879.856	-50,41
Sắt thép các loại	33.211.254	3.726.590	-88,78
Phương tiện vận tải và phụ tùng	6.690.544	3.062.901	-54,22
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	5.138.226	2.989.488	-41,82
Giấy và các sản phẩm từ giấy	4.586.884	2.960.944	-35,45
Sản phẩm hóa chất	2.957.194	2.297.388	-22,31
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	1.442.195	2.179.174	51,10
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	5.023.719	1.972.651	-60,73
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	3.575.652	1.954.389	-45,34
Kim loại thường khác và sản phẩm	8.728.138	1.804.711	-79,32
Gạo	2.080.788	1.407.522	-32,36
Dây điện và dây cáp điện	3.072.098	1.116.068	-63,67
Cànhke và xi măng	1.481.963	950.395	-35,87
Sản phẩm gốm, sứ	2.153.330	923.546	-57,11
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	3.157.504	820.252	-74,02
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	1.478.348	809.877	-45,22
Sản phẩm từ cao su	1.375.786	754.456	-45,16
Cà phê	3.845.766	633.218	-83,53
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	799.131	602.211	-24,64
Hạt tiêu	658.549	502.205	-23,74
Chất dẻo nguyên liệu	954.129	487.303	-48,93
Hàng hóa khác	35.159.234	17.735.900	-49,56

(Nguồn: Thương vụ VN tại Úc tổng hợp từ TCHQ VN)

Tháng 1 năm 2023, kim ngạch xuất của Việt Nam sang Úc giảm 5,55 triệu USD (tương đương giảm 1,33%) so với cùng kỳ năm 2022, trong đó các mặt hàng duy trì được đà tăng trưởng mạnh mẽ là dầu thô; điện thoại các loại và linh kiện. Các mặt hàng còn lại hầu hết có kim ngạch nhập khẩu giảm so với cùng kỳ năm trước.

Các nhóm hàng có giá trị xuất khẩu lớn, kim ngạch xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện tăng 179,65%; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác giảm 12,68%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện giảm 41,21% trong năm 2022.

Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng hàng dệt, may tăng trong khi giày dép các loại giảm lần lượt 10,10% và 8,17% so với cùng kỳ năm 2022.

Các mặt hàng nông, lâm, thủy sản thế mạnh xuất khẩu của Việt Nam giảm từ 23-56%...

Nhập khẩu của Việt Nam từ Úc

Đơn vị tính: USD

Mặt hàng	T1/ 2022	T1/ 2023	Tăng/giảm (%)
<i>Kim ngạch NK</i>	<i>715.356.899</i>	<i>498.540.312</i>	<i>-30,31</i>
Than các loại	248.881.213	170.489.485	-31,50
Quặng và khoáng sản khác	132.931.737	83.988.194	-36,82
Bông các loại	68.970.623	75.801.808	9,90
Lúa mì	79.441.778	41.067.176	-48,31
Kim loại thường khác	70.054.979	40.013.712	-42,88
Hàng rau quả	17.097.044	9.183.157	-46,29
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	4.446.006	5.340.304	20,11
Sữa và sản phẩm sữa	9.940.925	5.225.370	-47,44
Dược phẩm	3.234.460	3.446.441	6,55
Sản phẩm hóa chất	2.730.679	1.468.228	-46,23
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	2.074.288	1.450.297	-30,08

Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	859.817	1.248.845	45,25
Chế phẩm thực phẩm khác	1.499.496	1.162.096	-22,50
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	906.643	1.066.206	17,60
Dầu mỡ động thực vật	1.022.157	1.003.180	-1,86
Sản phẩm khác từ dầu mỡ	696.739	893.264	28,21
Sản phẩm từ sắt thép	518.927	774.400	49,23
Chất dẻo nguyên liệu	695.683	640.691	-7,90
Sắt thép các loại	4.270.861	458.810	-89,26
Gỗ và sản phẩm gỗ	665.863	264.299	-60,31
Phế liệu sắt thép	2.650.814	96.179	-96,37
Hóa chất	249.972	85.591	-65,76
Hàng hóa khác	61.516.197	53.372.579	-13,24

(Nguồn: Thương vụ VN tại Úc tổng hợp từ TCHQ VN)

Kim ngạch nhập khẩu của Úc từ Việt Nam trong tháng 1 năm 2023 giảm 216,82 triệu USD (tương đương giảm 30,31%) so với cùng kỳ năm 2022. Cụ thể:

Các mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng bao gồm: bông các loại (tăng 9,90%); thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 20,11%); dược phẩm (tăng 6,55%); nguyên phụ liệu dệt, may, da giày; sản phẩm khác từ dầu mỡ (tăng 28,21%); sản phẩm từ sắt thép (tăng 49,23%)...

Trong Tháng 1, kim ngạch nhập khẩu của các nhóm nguyên nhiên, vật liệu đầu vào sản xuất có mức giảm khá mạnh như: than các loại giảm 78,39 triệu USD (tương đương 31,50%) , quặng và khoáng sản khác giảm 48,94 triệu USD (tương đương 36,82%); lúa mì giảm 38,37 triệu USD (tương đương 48,31%); kim loại thường khác giảm 30,04 triệu USD (tương đương 42,88%)...

3. Cập nhật điều kiện nhập khẩu

3.1 Điều kiện nhập khẩu sản phẩm động vật đã qua chế biến (retorted)

Cập nhật ngày 18/2/2023

Sản phẩm động vật được coi là qua chế biến khi chúng đã được làm nóng ở nhiệt độ lõi tối thiểu 100°C trong vật chứa kín¹ và thu được giá trị F0 ít nhất là 2,8; sản phẩm được vô trùng thương mại (vô trùng thương mại khi dinh dưỡng và các bào tử của tất cả các sinh vật gây bệnh và gây hư hỏng có thể phát triển trong thực phẩm ở điều kiện bảo quản và xử lý thông thường đều đã bị tiêu diệt).

Hút chân không không được coi là đã qua chế biến.

Với sản phẩm của động vật có trên 5% thịt động vật (không bao gồm tổ yến, trứng miến nhỏ nhìn thấy rõ và hàng đông lạnh)²

(Đối với hàng tổng hợp gồm nhiều thành phần khác nhau, cần phải xác định rõ từng thành phần và tra cứu các điều kiện nhập khẩu cụ thể của riêng từng thành phần trên cổng BICON).

Điều kiện nhập khẩu trước khi tới lãnh thổ Úc:

a. Cần phải **có giấy phép nhập khẩu** do Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Lâm nghiệp Úc cấp (trường hợp giấy phép nhập khẩu vẫn đang trong quá trình xem xét thì hàng không được vào lãnh thổ Úc hoặc buộc tiêu hủy).

b. Các điều kiện nhập khẩu dưới đây đối với hàng hóa đã qua chế biến không bao gồm tổ yến, các sản phẩm có chứa các miếng trứng có thể nhìn thấy được và hàng hóa nhập khẩu trong container lạnh (dưới 10°C).

(1) Hàng hóa phải qua chế biến, vô trùng thương mại và bảo quản ở nhiệt độ ổn định trong điều kiện nhiệt độ môi trường/nhiệt độ phòng (không yêu cầu phải để lạnh hoặc đông đá trước khi mở).

(2) Hàng hóa phải được niêm phong kín trong vật chứa trước khi được xử lý nhiệt đến nhiệt độ lõi tối thiểu là 100°C, đạt được giá trị F0 ít nhất là 2,8.

¹ Vật chứa kín ở đây gồm:

+ lon (kim loại, nhựa composite);

+ hũ hoặc chai thủy tinh;

+ túi có thể vận lại (túi được làm từ nhựa dẻo và lá kim loại);

+ hộp nhựa có nắp đậy kín chịu nhiệt hoặc nắp đậy kép (không bao gồm hộp nhựa nắp bật);

+ hộp vô trùng

²

<https://bicon.agriculture.gov.au/BiconWeb4.0/ImportConditions/Conditions?EvaluableElementId=711777&Path=UNDEFINED&UserContext=External&EvaluationStatId=7119437a-8837-4184-b058-059a00f94585&CaseElementPk=2048543&EvaluationPhase=ImportDefinition&HasAlerts=True&HasChangeNotices=True&IsAEP=False>

(3) Sản phẩm cuối cùng để nhập khẩu phải được niêm phong kín trong vật chứa kín khí.

(4) Hàng hóa không được chứa mầm mống có nguy cơ gây bệnh não xốp truyền nhiễm

(5) Hàng hóa không phải là tổ yến hoặc chứa các mảnh trứng có thể nhìn thấy được.

(6) Hàng hóa không được nhập khẩu trong container lạnh dưới 10°C.

c. Hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn sinh học. Để chứng minh điều này cần phải có đầy đủ các thông tin trong Giấy chứng nhận sức khỏe/Health Certificates.

d. Hàng hóa phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn sinh học

Để chứng minh sự tuân thủ với các yêu cầu về nhập khẩu, trên giấy Chứng nhận sức khỏe hoặc Giấy công bố của nhà sản xuất đã được Chính phủ chứng thực ghi rõ:

(1) Hàng hóa không phải là tổ yến, và

(2) Hàng hóa không chứa các miếng trứng nhỏ có thể nhìn thấy.

e. Hàng hóa đã qua chế biến không được nhập khẩu ở container lạnh dưới 10°C

Để chứng minh việc tuân thủ đối với các yêu cầu về nhập khẩu, trên vận đơn cần phải ghi rõ thông tin sau:

Có bằng chứng là hàng hóa không được nhập khẩu trong container lạnh dưới 10°C.

Điều kiện nhập khẩu sau khi vào lãnh thổ Úc

f. Nếu có Giấy chứng nhận sức khỏe hoặc Giấy công bố của nhà sản xuất đã được Chính phủ chứng thực có giá trị nhưng không xác định được rõ nội dung là hàng hóa đó không phải là tổ yến và không chứa các mảnh trứng nhỏ có thể nhìn thấy được, để xác định được điều này, hàng hóa đó phải được đưa đi kiểm định khi nhập cảnh.

g. Những hàng hóa này hoặc bất kỳ sản phẩm phái sinh nào của nó không được phép bán, phân phối hoặc sử dụng với mục đích:

- Tiêu thụ cho động vật;
- Mục đích môi trường (bao gồm sử dụng làm sản phẩm xử lý sinh học hoặc phân bón);
- Mục đích trồng trọt;
- Mục đích chữa bệnh thú y.

3.2. Điều kiện nhập khẩu thủy sản đã qua chế biến (trừ tôm) và ốc - chứa trên 5% sản phẩm động vật (cập nhật ngày 18/2/2023)

Điều kiện nhập khẩu trước khi vào Úc

- a. Không yêu cầu giấy phép nhập khẩu vào Úc
- b. Thủy sản đã qua chế biến (trừ tôm) và ốc phải đáp ứng các điều kiện nhập khẩu dưới đây:
 - Để chứng minh việc tuân thủ theo các yêu cầu nhập khẩu này, phải ghi rõ các điều sau đây trên [Giấy công bố của nhà sản xuất](#):
Công bố rằng hàng hóa đã được xử lý và các vật chứa hàng hóa đó vẫn đóng kín từ khi hàng hóa được xử lý

Điều kiện nhập khẩu sau khi vào lãnh thổ Úc

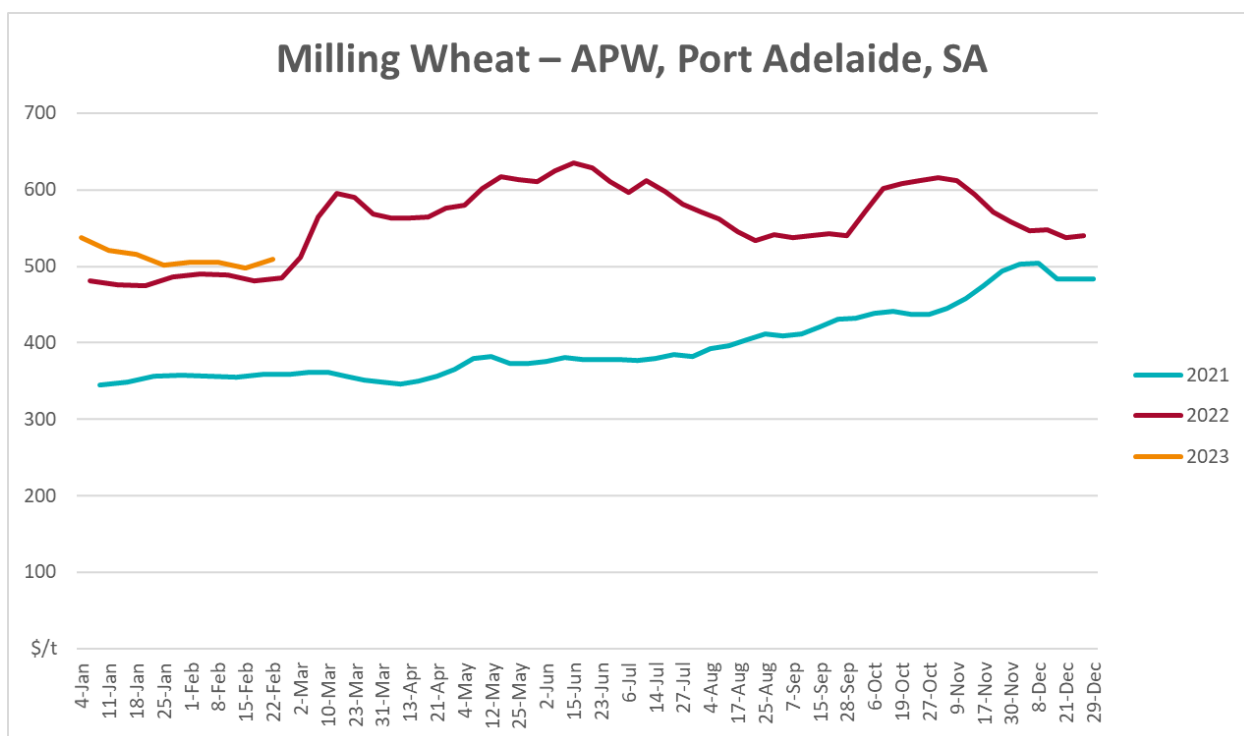
- c. Những hàng hóa này hoặc bất kỳ sản phẩm phái sinh nào của nó không được phép bán, phân phối hoặc sử dụng với mục đích:
 - Tiêu thụ cho động vật;
 - Mục đích môi trường (bao gồm sử dụng làm sản phẩm xử lý sinh học hoặc phân bón);
 - Mục đích trồng trọt;
 - Mục đích chữa bệnh thú y.

4. Cán cân thanh toán và vị trí đầu tư quốc tế của Úc

Ngày 28/2/2023, Cơ quan Thống kê của Úc công bố số liệu về cán cân thanh toán và vị trí đầu tư quốc tế của Úc thời điểm Tháng 12/2022.

Theo đó:

- Cán cân thanh toán được điều chỉnh theo mùa tăng 13.361 triệu AUD dẫn tới mức thặng dư 14.114 triệu AUD;
- Thâm hụt tài khoản vốn và tài chính là 10.067 triệu AUD, quay vòng 23.057 triệu AUD với mức thặng dư Quý III/2022
- Nợ phải trả đầu tư quốc tế ròng là 856.794 triệu AUD vào ngày 31/12/2022.



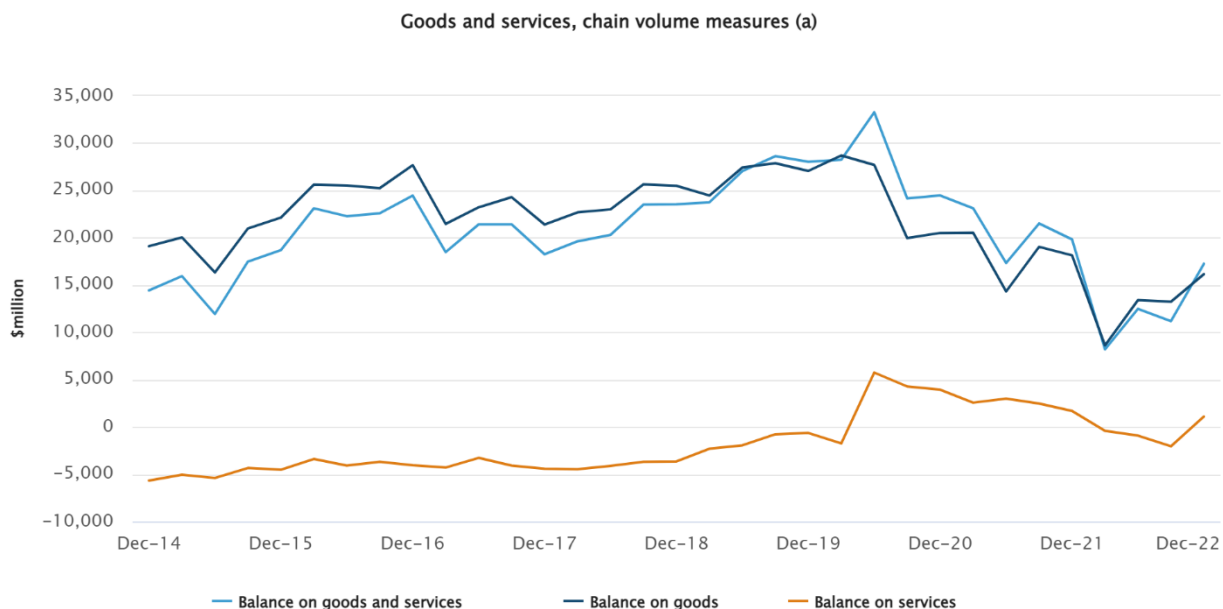
Sự gia tăng trong tài khoản vãng lai phản ánh sự gia tăng thặng dư thương mại và giảm thâm hụt thu nhập chính ròng.

Sự cân bằng về hàng hóa và dịch vụ được điều chỉnh theo mùa dự kiến đóng góp 1.1 điểm phần trăm vào dịch chuyển hàng quý của GDP Quý IV năm 2022, giả sử không có sự điều chỉnh nào đối với ước tính GDP Quý III/2022.

Thương mại tăng 0,6% lên 111,7 từ 111,1 vào Quý III/2022.

Thâm hụt thu nhập chính ròng đã giảm xuống còn 26,4 tỷ AUD, sau mức thâm hụt cao kỷ lục 30,4 tỷ AUD vào Quý III/2022.

Nợ phải trả đầu tư quốc tế ròng của Úc là 856,8 tỷ AUD vào Quý IV/2022, giảm 3,1 tỷ AUD so với Quý III/2022 là 859,9 tỷ AUD.



a. Seasonally adjusted, reference year 2020–21=100.

Source: Australian Bureau of Statistics, Balance of Payments and International Investment Position, Australia December 2022

Cán cân thương mại hàng hóa và dịch vụ được điều chỉnh theo mùa thặng dư 17.245 triệu AUD, tăng 6.066 triệu AUD so với mức đã được điều chỉnh vào Quý III/2022 thặng dư 11.1798 triệu AUD.

Về xuất khẩu hàng hóa được điều chỉnh theo mùa về giá trị tăng 2.832 triệu AUD (1,9%) lên 155.166 triệu AUD, về khối lượng giảm 0.5% và giá tăng 2.4%.

Về nhập khẩu hàng hóa được điều chỉnh theo mùa về giá trị giảm 2.529 triệu AUD (2,2%) lên 110.489 triệu AUD, với khối lượng giảm 3,8% và giá tăng 1,6%.

Cụ thể về nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng nói chung giảm 0,7%, ngoại trừ sản phẩm thiết bị vận tải phi công nghiệp có mức tăng 10,3%, các mặt hàng khác đều giảm ở Quý IV so với Quý III, bao gồm: thực phẩm và đồ uống giảm 3,7%, thiết bị điện gia dụng giảm 9,2%, dệt may, quần áo và giày dép giảm 4,1%, đồ chơi, sách và giải trí giảm 7,1%, các mặt hàng tiêu dùng khác giảm 2,3%.

Nhập khẩu tư liệu sản xuất cũng có mức giảm chung là 1,6% so với Quý III. Nhập khẩu hàng hóa trung gian và hàng hóa khác cũng không nằm ngoài xu hướng giảm (giảm 2,9%).

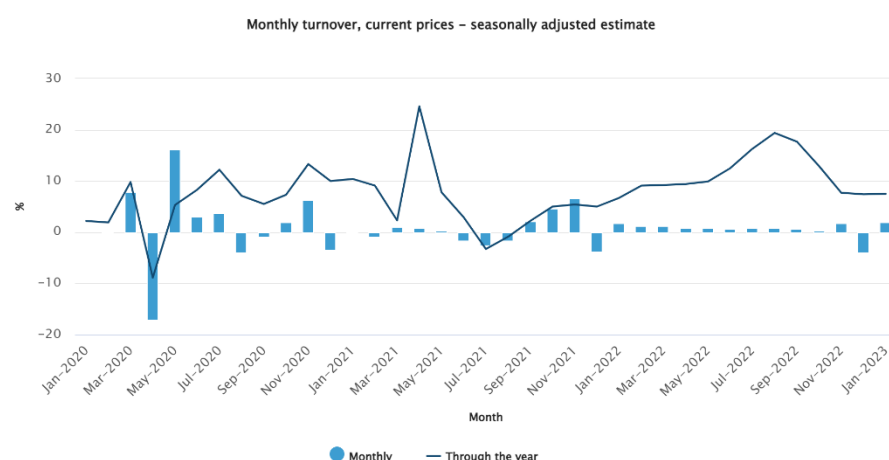
Vị trí đầu tư quốc tế

Vị trí đầu tư quốc tế ròng của Úc là 856,8 tỷ AUD vào ngày 31/12/2022, giảm 3,1% tỷ AUD so với số Quý III đã được sửa ngày 30/9/2022 là 859,9 tỷ AUD. Về tài sản

chủ sở hữu nước ngoài ròng của Úc tăng 6,7 tỷ AUD lên 306,1 tỷ AUD vào ngày 31/12/2022. Nợ nước ngoài ròng của Úc tăng 3,6 tỷ AUD lên 1.162,6 tỷ AUD.

5. Thương mại bán lẻ của Úc Tháng 1/2023

Thương mại bán lẻ của Úc được điều chỉnh theo mùa Tháng 1/2023 tăng 1,9% so với tháng trước và tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2022.



Về các nhóm hàng, mức tăng đối với nhóm cửa hàng siêu thị có mức tăng cao nhất, 8,8%, tiếp đến là quần áo, giày dép và phụ kiện tăng 6,5%, nhóm cà phê, nhà hàng và dịch vụ thức ăn mang đi và đồ gia dụng có mức tăng nhẹ, 1,2% và 1,1% tương ứng, bán lẻ thực phẩm tăng 0,3% và các bán lẻ khác tăng 2,9%.

Về các khu vực và vùng lãnh thổ, Khu vực Thủ đô có mức tăng cao nhất, 3,4%; tiếp đến là Bang Victoria tăng 3%, Bang Tasmania tăng 2,7%, Tây Úc tăng 2,4%, Bang Nam Úc và New South Wales có mức tăng tương ứng là 1,7% và 1,6%, Queensland và Bắc Úc có mức tăng thấp nhất tương ứng 0,5% và 0,2%.

IV. DIỄN BIẾN TỶ GIÁ

Diễn biến tỷ giá AUD/USD

Graph of the AUD/USD exchange rate



Sources: WM/Reuters

Tham khảo bảng tỷ giá sau:

	24/2	27/2	28/2
AUD/USD	1,6814	0,6711	0,6730
AUD/VND	16.213	15.982	16.004

Nguồn: RBA

V. KẾT NỐI GIAO THƯƠNG

Doanh nghiệp Úc cần tìm đối tác Việt Nam cung cấp nhôm đúc và nhôm dẹt.

Thông tin liên lạc:

Mr Kiri Loganathan,

Production Manager, Australian Scaffold

Email: kiri.loganathan@australianscaffolds.com.au; Tel: +61 2 9627 1700

Ngoài ra, kính mời Quý vị tham khảo các thông tin cập nhật thường xuyên tại trang vietnamtradeoffice.net

Quý vị có thể truy cập Ứng dụng Viet-Aus Trade để quảng bá sản phẩm và kết nối với các nhà nhập khẩu, đầu tư tại Úc.

Ứng dụng Viet-Aus Trade được cung cấp miễn phí tại hai kho trực tuyến App store và Google App store.

Thương vụ Việt Nam tại Úc tổng hợp để phục vụ thông tin thị trường.